

Số: 82/QĐ-NTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Công bố chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ đối với ngành Luật Kinh tế của Trường
ĐH Nguyễn Tất Thành

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐT ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng Trường về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành;

Căn cứ kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đã được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Nguyễn Tất Thành;

Theo đề nghị của Viện Trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố chuẩn đầu ra trình độ Thạc sĩ đối với ngành Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành.

(Nội dung của từng chuẩn đầu ra và điều kiện tốt nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Chuẩn đầu ra quy định về các yêu cầu đối với người học phải đạt được khi tốt nghiệp, bao gồm: nội dung kiến thức; kỹ năng; năng lực tự chủ và trách nhiệm; vị trí làm việc mà người học có thể đảm nhận; khả năng học tập nâng cao trình độ và các yêu cầu đặc thù khác đối với từng ngành đào tạo. Chuẩn đầu ra là bản cam kết của Nhà trường trước xã hội và là cơ sở để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chương trình đào tạo ngành và chuyên ngành của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành; cải tiến và đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra và đánh giá trong quá trình đào tạo.

Điều 3. Chuẩn đầu ra ngành Luật Kinh tế được công bố công khai tại địa chỉ: <https://saudaihoc.ntt.edu.vn>

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng cho chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế từ khóa tuyển sinh năm 2022.

Điều 5. Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Luật, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- HĐT (để b/cáo);
- BGH (để b/cáo);
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, QLĐT, SĐH.



HIỆU TRƯỞNG



TS. Trần Ái Cẩm

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA
NGÀNH: Luật Kinh tế
MÃ NGÀNH: 8380107

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-NTT ngày 28 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)*

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Luật Kinh tế
- Tên tiếng Anh: Economic Law

2. Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Bachelor 7

3. Định hướng đào tạo: ☒ Nghiên cứu ☐ Ứng dụng

4. Khóa học áp dụng: 2022

5. Thời gian đào tạo: 24 tháng

6. Tổng số tín chỉ/ khóa: 60 tín chỉ

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể:

PO1: Tổng hợp được kiến thức chuyên sâu về nhà nước và pháp luật đương đại, kiến thức chuyên ngành về pháp luật kinh doanh, thương mại, lao động và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh hiện nay.

PO2: Vận dụng được các kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn vào việc phân tích, tư vấn, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tế hoạt động kinh doanh, thương mại và góp phần bảo vệ lợi ích nhà nước và xã hội.

PO3: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, thân thiện trong giao tiếp và ứng xử, có ý thức pháp luật và có khả năng học tiếp các CTĐT Luật Kinh tế ở bậc cao hơn để hoạt động trong lĩnh vực pháp luật.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế		
Sau khi hoàn tất chương trình, học viên tốt nghiệp có thể:		
Kiến thức		
PLO1	K1	Tổng hợp được các kiến thức chung về khoa học xã hội và pháp luật về lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật, quyền con người trong lĩnh vực kinh doanh một cách đầy đủ.
PLO2	K2	Phân tích được các kiến thức pháp lý chuyên sâu phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh về đầu tư, cạnh tranh, hợp đồng, giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường.
PLO3	K3	Kết hợp được những kiến thức pháp luật vào thực tiễn hoạt động thương mại, lao động và an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.
Kỹ năng		
PLO4	S1	Thực hành được kỹ năng vận dụng văn bản pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật để phục vụ cho nghề nghiệp và đời sống.
PLO5	S2	Phân tích được các tình huống pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh để tư vấn pháp lý cho các tổ chức, cá nhân.
PLO6	S3	Thực hiện được các kỹ năng soạn thảo hợp đồng; kỹ năng đàm phán, ký kết, xử lý các vấn đề tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện và thanh lý hợp đồng thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO7	A1	Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề luật, đấu tranh và tuyên truyền chống các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội nhằm bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng và lợi ích chính đáng của người khác.
PLO8	A2	Rèn luyện được khả năng tự học, tự nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực pháp luật.

Bảng tổng hợp số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT

	PLO ₁ (K ₁)	PLO ₂ (K ₂)	PLO ₃ (K ₃)	PLO ₄ (S ₁)	PLO ₅ (S ₂)	PLO ₆ (S ₃)	PLO ₇ (A ₁)	PLO ₈ (A ₂)
Số lượng môn học đáp ứng chuẩn đầu ra	20	23	25	25	25	23	25	25

3. Các năng lực nghề nghiệp/Năng lực cốt lõi của học viên tốt nghiệp (theo bộ năng lực DACUM)

Mô tả năng lực (Competency), được thể hiện bằng Động từ + Danh từ/ Cụm danh từ. Một năng lực yêu cầu phải trải qua quá trình tích hợp của kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm thì mới được gọi là năng lực.

- C1: Phân tích và giải quyết vấn đề pháp lý
- C2: Tư duy và phản biện
- C3: Tư vấn pháp lý
- C4: Tranh tụng pháp lý

Ma trận kết nối các CĐR của CTĐT và các năng lực chính yếu của HVTN

TT	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT	CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CHỦ YẾU CỦA HVTN (COMPETENCY) (*)			
		C.1	C.2	C.3	C.4
K	KIẾN THỨC				
	K.1	✓			
	K.2		✓		
	K.3			✓	✓
S	KỸ NĂNG				
	S.1	✓			
	S.2		✓	✓	
	S.3			✓	✓
A	NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM				
	A.1	✓	✓		
	A.2			✓	✓

4. Đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CĐR CTĐT ngành Thạc sĩ Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CĐR CTĐT ngành Thạc sĩ Luật Kinh tế của Trường ĐH Văn Lang	CĐR CTĐT ngành Thạc sĩ Luật Kinh tế của Trường ĐH Kinh tế TPHCM	CĐR CTĐT ngành Thạc sĩ Luật của Trường ĐH Jagannath University, Bangladesh	CĐR CTĐT ngành Luật Kinh tế quốc tế của Trường ĐH Oslo, Na Uy	Nhận xét
Về kiến thức: 1. Tổng hợp được <u>các kiến thức chung về khoa học xã hội và pháp luật về</u> lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật, quyền con người trong lĩnh vực kinh doanh một cách đầy đủ. 2. Áp dụng được <u>các kiến thức pháp lý chuyên sâu</u> phù hợp	Về kiến thức: 1. Người học biết, nắm vững các <u>kiến thức cơ bản về triết học, khoa học pháp lý</u> làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành về pháp luật; 2. Người học có <u>kiến thức</u> nâng cao và bước đầu tiếp cận theo hướng <u>chuyên sâu về các lĩnh vực pháp luật thuộc các</u>	<i>Phẩm chất về trí tuệ, kiến thức (Intellectual Attributes):</i> <i>Suy nghĩ độc lập:</i> Có năng lực sáng tạo, năng lực phân biện ở mức độ nhất định. <i>Phân tích và đánh giá:</i> <u>Có năng lực phân tích các vấn đề pháp luật,</u> có năng lực đánh giá các lựa chọn và giải pháp cũng như các	1. Kiến thức pháp lý: <u>Tiếp thu và áp dụng kiến thức pháp luật vào các vấn đề pháp lý Xã hội.</u> (Legal Knowledge: To acquire & apply legal knowledge to the complex Socio-legal problems.)	<u>Tổng hợp được các quy tắc cơ bản về thương mại hàng hóa và dịch vụ</u> của Tổ chức Thương mại Thế giới, các đặc điểm cốt lõi của các hiệp ước đầu tư song phương, việc thiết lập và giải thích hợp đồng, bao gồm lựa chọn các điều khoản luật, cũng như <u>giải quyết tranh chấp</u> giữa các tiểu bang,	Các chuẩn đầu ra về kiến thức tương đối giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Văn Lang và ĐH Kinh tế TPHCM.

trong lĩnh vực kinh doanh về pháp luật đầu tư, cạnh tranh, hợp đồng, <u>giải quyết tranh chấp</u> kinh doanh, thương mại; pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường. 3. Kết hợp được những kiến thức pháp luật <u>vào thực tiễn hoạt động</u> thương mại, lao động và an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.	<u>chuyên ngành</u> đào tạo thạc sĩ Luật Kinh tế theo định hướng ứng dụng; 3. Người học đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc tương đương) để có thể sử dụng trong công tác chuyên môn và các hoạt động thực hành pháp luật. 4. Người học có trình độ công nghệ thông tin căn bản để phục vụ hoạt động chuyên môn nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.	quan điểm khác nhau, để lựa chọn và thực hiện các quyết định đã chọn <i>Kỹ năng giao tiếp nói và viết:</i> Thành thạo các kỹ năng giao tiếp nói và viết cần thiết cho hành nghề pháp luật kinh doanh. <i>Kỹ năng nghiên cứu pháp luật và tin học:</i> Thành thạo các kỹ thuật tìm kiếm và sử dụng các nguồn thông tin đa dạng về pháp luật.		<u>tranh chấp</u> giữa nhà đầu tư và nhà nước, tranh chấp thương mại và thách thức phát triển. Sinh viên sẽ có được kiến thức về sự thay đổi xuyên quốc gia trong các khuôn khổ thể chế và quy phạm thông qua thảo luận về <u>các trường hợp thực nghiệm, cụ thể</u>. (The mandatory courses focus on the basic rules on trade in goods and services under the World Trade Organisation, the core features of	
---	--	--	--	--	--

Về kỹ năng: 4. Thực hành được kỹ năng viện dẫn văn bản pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật để phục vụ cho nghề nghiệp và đời sống. 5. Phân tích được các tình huống pháp lý phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh để tư vấn pháp lý cho các tổ chức, cá nhân. 6. Thực hiện được các kỹ năng soạn thảo hợp đồng; kỹ năng đàm phán, ký kết, xử lý các vấn đề tranh chấp phát sinh trong quá trình thực	Về kỹ năng: Kỹ năng chuyên môn: Người học biết, nắm vững và vận dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản trong hoạt động xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, xét xử, tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho cộng đồng; có phương pháp và kỹ năng phân tích, tranh luận, trình bày các ý kiến, lập luận pháp lý trong môi trường hành nghề pháp luật. Kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm: Người học biết cách tương tác, phối hợp	Phẩm chất chuyên môn, chuyên nghiệp (Professional Attributes): <i>Kiến thức chuyên môn:</i> Có kiến thức chuyên môn mạch lạc, sâu rộng về các lĩnh vực pháp luật nội dung và luật tố tụng, đặc biệt là luật công ty, luật hợp đồng, luật sở hữu trí tuệ và luật tài sản. Có kiến thức tiếng Anh đủ tốt để đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. <i>Học suốt đời:</i> Có	2. Thực hành nghề nghiệp: để làm cho sinh viên đủ điều kiện để thực hành trong các Tòa án, Ngành, Công ty với tư cách là người hành nghề hợp pháp. 3. Kỹ năng chuyên môn: Có các kỹ năng chuyên môn cần thiết cho việc hành nghề luật như Lập luận, Biện hộ, soạn thảo, chuyển tải, v.v. 5. Nghiên cứu pháp lý & lý luận pháp lý: để phát triển kỹ năng nghiên cứu pháp lý & lý luận pháp lý và áp dụng nó trong chương trình và trong thực hành pháp lý.	bilateral investment treaties, the establishment and interpretation of contracts, including choice of law clauses, as well as the settlement of interstate disputes, investor-state disputes, commercial disputes, and development challenges. Students will gain knowledge about the transnational shifts in institutional and normative frameworks through discussion of concrete, empirical	Các chuẩn đầu ra về kỹ năng tương đối giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Văn Lang và ĐH Kinh tế TPHCM.
---	--	--	--	---	---

hiện và thanh lý hợp đồng thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại.	trong làm việc nhóm hoặc có khả năng làm việc độc lập khi thực hiện các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	năng lực liên tục <u>cập nhật thông tin và kỹ năng cần thiết trong quá trình hành nghề luật.</u> <i>Đạo đức:</i> Có năng lực trân trọng và khuyến khích tính trung thực, <u>chịu trách nhiệm và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.</u>	7. Khả năng tự kinh doanh: Cung cấp nền tảng khả năng tự kinh doanh bằng cách phát triển các kỹ năng chuyên môn trong ngành luật. 8. Kỹ năng lãnh đạo: Để phát triển phẩm chất lãnh đạo của học sinh. 10. Kỹ năng lập pháp: Mọi sinh viên tốt nghiệp sẽ có kỹ năng nghiên cứu pháp luật, giao tiếp bằng văn bản và bằng miệng, làm việc theo nhóm, vận động chính sách và giải quyết vấn đề.	cases.)	
<i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i> 7. <u>Tuân thủ chuẩn</u>	Thái độ 1. Người học có thái độ nghiêm túc, đúng	Phẩm chất cá nhân (Personal Attributes):	4. Đạo đức nghề nghiệp: Hiểu và vận dụng các nguyên tắc		Các chuẩn đầu ra về thái độ

<u>mức đạo đức nghề luật</u>, đấu tranh và tuyên truyền chống các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội nhằm <u>bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng</u> và lợi ích chính đáng của người khác. 8. Rèn luyện được khả năng <u>tư học, tư nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp của bản thân</u> trong lĩnh vực pháp luật.	đến về nghề nghiệp và luôn <u>tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp</u>; có trách nhiệm công dân, có ý thức tự giác tuân thủ pháp luật và chủ động tuyên truyền, vận động người khác tuân thủ pháp luật. 2. Người học có phẩm chất chính trị vững vàng, có thái độ sẵn sàng phục vụ nhân dân trong quá trình thực hiện các công việc chuyên môn nghề nghiệp. Người học có thái độ chủ động cập nhật kiến thức, <u>tư học hỏi</u>	<i>Quản lý công việc:</i> Có các năng lực quản lý công việc cá nhân và tập thể. <i>Hiểu biết về đa dạng văn hóa và môi trường làm việc toàn cầu:</i> Có hiểu biết về môi trường đa dạng văn hóa và năng lực làm việc trong bối cảnh toàn cầu. <i>Phục vụ công bằng xã hội:</i> Hiểu biết và chấp nhận <u>tuân thủ các trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân</u> cũng như có năng lực yêu cầu thực hiện các <u>quyền căn bản của cá nhân và cộng đồng</u>.	đạo đức nghề nghiệp của nghề luật sư. 6. Tự phản ánh & học tập suốt đời: Để phát triển thái độ tự phản ánh trong khi học & Nhận ra sự cần thiết, có sự chuẩn bị và khả năng tham gia vào quá trình học tập độc lập và suốt đời trong bối cảnh rộng lớn nhất là bối cảnh luật pháp thay đổi. 9. Học tập suốt đời: Để nâng cao nhận thức về lập pháp Hiến pháp & chuyển đổi xã hội trong xã hội & để phát triển khả năng lâm sàng.		tương đối giống với chuẩn đầu ra của Trường ĐH Văn Lang và ĐH Kinh tế TPHCM.
---	---	--	---	--	---

	<u>để nâng cao trình độ chuyên môn</u>, có tinh thần phản biện, ý thức sáng tạo và tự tin trong công việc.				
<i>Kết luận:</i> CĐR của CTĐT Thạc sĩ Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành về cơ bản giống với CĐR của các trường ĐH uy tín trong nước. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp Thạc sĩ Luật Kinh tế của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành còn có thể đạt được các CĐR về kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm thông qua các hoạt động kiến tập, thực tập của Khoa. Từ đó, SV có thể rèn luyện được các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai. Đây được xem là thế mạnh của CTĐT ThS Luật Kinh tế.					

III. NHỮNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM MÀ NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP CÓ THỂ ĐẢM NHIỆM

Học viên tốt nghiệp xong CTĐT Thạc sĩ Luật Kinh tế có đủ khả năng làm việc ở các vị trí trong xã hội sau đây:

Nhóm 1: Làm việc tại các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, như:

- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ; các Bộ, Ngành ở trung ương; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;
- Cơ quan Công an, Thuế vụ, Cảnh vụ, Kiểm lâm, Hải quan, Biên phòng; cơ quan quản lý xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh;
- Cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và thi hành án các cấp.

Nhóm 2: Làm việc tại các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý, như:

- Văn phòng Luật sư, công ty luật;
- Văn phòng Công chứng, tổ chức Thừa phát lại;
- Các trung tâm trọng tài thương mại của Việt Nam và nước ngoài.

Nhóm 3: Làm việc tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, như:

- Cán bộ thuộc bộ phận pháp chế của doanh nghiệp;
- Cán bộ tư vấn pháp lý cho lãnh đạo doanh nghiệp về các lĩnh vực: Đầu tư, kinh doanh, thương mại; thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh; thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp phát sinh;
- Cán bộ thuộc bộ phận quản lý nhân sự, hành chính, văn phòng.

Nhóm 4: Làm việc tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, như:

- Giáo viên giảng dạy môn giáo dục công dân, giáo dục pháp luật tại các trường phổ thông, các trường trung cấp nghề; giảng viên giảng dạy các học phần thuộc kiến thức luật học của các trường Đại học, Cao đẳng chuyên và không chuyên luật;
- Cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu về khoa học pháp lý trong và ngoài nước.

Nhóm 5: Làm việc tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, như:

- Cơ quan của Đảng ở trung ương và địa phương: Làm công tác kiểm tra giám sát, công tác tổ chức nhân sự, công tác hành chính văn phòng;

- Các tổ chức chính trị xã hội: Làm công tác tổ chức nhân sự, công tác thanh tra pháp chế, công tác hành chính văn phòng, công tác tư vấn pháp lý.

IV. KHẢ NĂNG HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ VÀ NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, Thạc sĩ Luật Kinh tế có thể:

- Đủ tiêu chuẩn để dự thi và theo học ở bậc cao hơn về luật học như nghiên cứu sinh luật học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;
- Đủ tiêu chuẩn để tiếp tục học các khóa đào tạo nghiệp vụ chức danh tư pháp, như: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Luật sư, Công chứng viên, Chấp hành viên...vv;
- Có khả năng độc lập nghiên cứu các công trình, đề tài khoa học liên quan đến lĩnh vực luật học, quản lý hành chính nhà nước.

V. CÁC VĂN BẢN VỀ CHUẨN ĐẦU RA ĐÃ THAM KHẢO

1. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
3. Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;
4. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
5. Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế của Trường Đại học Văn Lang, truy cập trên trang <https://khoaluat.vanlanguni.edu.vn/dao-tao/thac-si>
6. Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế của Đại học Kinh tế TP HCM, truy cập trên trang <https://law.ueh.edu.vn/thac-si-luat-kinh-te/>
7. Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Luật Trường ĐH Jagannath University, Bangladesh, truy cập trên trang <https://www.jagannathuniversity.org/assets/jnu-docs/obe-syllabus/llm-2020-21.pdf>

8. Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế quốc tế của Trường ĐH Oslo, Na Uy, truy cập trên trang <https://www.uio.no/english/studies/programmes/pubint-master/structure/ielsd/learning-outcomes/>



HIỆU TRƯỞNG

TS. TRẦN ÁI CẨM

TRƯỞNG KHOA

TS. CHU HẢI THANH